TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 02-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Ông Dương Hồng Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: N), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T1; chưa có vợ, con; anh, chị, em ruột 04 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: Vào ngày 04/9/2020 bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.00 đồng, đã nộp phạt vào ngày 14/9/2020; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/11/2020, đến ngày 01/02/2021 bị bắt tạm giữ, đến ngày 04/02/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 (vắng mặt);

2. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: ấp B xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Võ Văn C, sinh năm 1971; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn L; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992; nơi cư trú B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1983; nơi cư trú B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 07/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 84F5-6607 chạy từ hướng xã A1 đến xã A, khi đến khu vực lộ đal B thuộc ấp B, xã A thì bị cáo dừng xe lại. Sau đó, bị cáo đi bộ đến chòi nuôi tôm của ông Nguyễn Văn P thuộc ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng của ông P đang để trên giường ngủ, lấy trộm xong bị cáo tiếp tục đi qua nhà ông Phạm Văn T2 (gần chòi tôm của P) thuộc ấp B, xã A lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen và số tiền 921.000 đồng để trong túi quần của ông T2. Sau khi lấy trộm tài sản xong bị cáo đi bộ ra để lấy xe đi về, thì bị cáo thấy có người nên sợ bị phát hiện. Vì vậy, bị cáo mới lấy hai điện thoại vừa trộm được giấu ở gốc cây dừa gần xe bị cáo đang đậu. Sau đó, bị cáo bị anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Văn X phát hiện, nghi bị cáo là người đã lẻn vào nhà mẹ của anh K, anh X nên giữ bị cáo lại và báo cho Công an xã A, huyện C mời bị cáo về trụ sở làm việc thì bị cáo thừa nhận việc trộm tài sản của ông P, ông T2 như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số 09/2020/KL.HĐĐG ngày 16/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng của ông P có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 1.400.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá của vụ trộm cắp tài sản là 1.500.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt vào ngày 07/9/2020 là 2.421.000 đồng.

Trong quá trình điều tra thì bị cáo đã bỏ trốn. Ngày 08/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định truy nã bị cáo. Đến ngày 01/02/2021, Cơ quan điều tra đã bắt được bị cáo và ra quyết định đình nã đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra thì bị cáo khai nhận vào tháng 11 năm 2020, bị cáo không nhớ, bị cáo có vào nhà ông Võ Văn C ở ấp A, xã A1, huyện C lấy trộm số tiền 650.000 đồng. Qua làm việc với ông C, ông C trình bày vào ngày 07/11/2020 ông C bị mất số tiền 1.000.000 đồng và 01 tờ tiền đô la Úc có mệnh giá 100 đô la. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh, chỉ chứng minh được bị cáo lấy trộm số tiền 650.000 đồng của ông C.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung thu giữ các đồ vật gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng, số sêri R58HC570B0J, IMEI (khe 1) 355228084550803, IMEI (khe 2) 355229084550801;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen, IMEI 1: 354176109170316; IMEI 2: 354182100250313;

- Tiền Việt Nam đồng là 921.000 đồng (chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng);

- 01 (một) xe môtô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu Hongda, loại xe Dream II, màu nâu, xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi, số máy 152FM00072725, số khung không có.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho bị hại Nguyễn Văn P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng và trả cho bị hại Phạm Văn T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen và số tiền 921.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn T2 và Nguyễn Văn P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị hại Võ Văn C cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 650.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-CLD ngày 18/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều

173 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại P, T2 với số tiền tổng cộng 2.421.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

- Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý trao trả lại tài sản cho bị hại P, T2 xong nên đề nghị không đặt ra xem xét. Riêng đối với 01 (một) xe môtô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu Hongda, loại xe Dream II, màu nâu, xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi, số máy 152FM00072725, số khung không có. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định chiếc xe trên mang biển số giả, đề nghị Hội đồng xét xử giao chiếc xe cho Công an huyện Cù Lao Dung làm rõ về chủ sở hữu để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại P, T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, bị hại C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 650.000 đồng nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo không có lời tự bào chữa.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Các bị hại Nguyễn Văn P, Phạm Văn T2 và hai người làm chứng Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, xét thấy các bị hại và hai người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] **Về nội dung:**

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 01 giờ ngày 07/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 84F5-6607 chạy từ hướng xã A1 đến xã A, khi đến khu vực lộ đal B thuộc ấp B, xã A thì bị cáo dừng xe lại. Sau đó, bị cáo đi bộ đến chòi nuôi tôm của ông Nguyễn Văn P thuộc ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng của ông P đang để trên giường ngủ, lấy trộm xong bị cáo tiếp tục đi qua nhà ông Phạm Văn T2 (gần chòi tôm của P) thuộc ấp B, xã A lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen và số tiền 921.000 đồng để trong túi quần của ông T2. Sau khi lấy trộm tài sản xong bị cáo đi bộ ra để lấy xe đi về, thì bị cáo thấy có người nên sợ bị phát hiện. Vì vậy, bị cáo mới lấy hai điện thoại vừa trộm được giấu ở gốc cây dừa gần xe bị cáo đang đậu. Sau đó, bị cáo bị anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Văn X phát hiện, nghi bị cáo là người đã lẻn vào nhà mẹ của anh K, anh X nên giữ bị cáo lại và báo cho Công an xã A, huyện C mời bị cáo về trụ sở làm việc thì bị cáo thừa nhận việc trộm tài sản của ông P, ông T2 như nêu trên.

[4] Tại bản kết luận định giá số 09/2020/KL.HĐĐG ngày 16/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng của ông P có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 1.400.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá của vụ trộm cắp tài sản là 1.500.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt vào ngày 07/9/2020 là 2.421.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận vào khoảng tháng 11 năm 2020, bị cáo có vào nhà bị hại Võ Văn C ở ấp A, xã A1, huyện C lấy trộm số tiền 650.000 đồng. Quá trình điều tra, bị hại C trình bày vào ngày 07/11/2020 bị hại bị mất số tiền 1.000.000 đồng và 01 tờ tiền đô la Úc có mệnh giá 100 đô la. Tuy nhiên, qua điều tra, Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bị cáo lấy trộm số tiền 650.000 đồng của bị hại C.

[5] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy

J7 Prime màu vàng đồng của ông P trộm 01 điện thoại di động Nokia 106 màu đen và số tiền 921.000 đồng của ông Phạm Văn T2, có tổng giá trị là 2.421.000 đồng, thì bị cáo thực hiện hành vi một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian vào ngày 07 tháng 9 năm 2020 nên Hội đồng xét xử xác định đây là một lần phạm tội của bị cáo. Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là số tiền 650.000 đồng của ông Võ Văn C vào ngày 07 tháng 11 năm 2020, trước khi thự hiện hành vi tội phạm, thì bị cáo đã bị Công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.00 đồng, bị cáo đã nộp phạt vào ngày 14/9/2020, tính đến ngày 07 tháng 11 năm 2020, bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử xác định đây là một lần phạm tội của bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng số tiền là 3.071.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền tiêu xài và hưởng thụ mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ, thời gian gần đây trên địa bàn huyện C đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản và bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, cho thấy khả năng tự cải tạo của bị cáo rất kém nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị hại cảnh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, như phân tích tại đoạn [5] và [7] thì bị cáo phạm tội 02 lần nhưng Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự là chưa đúng với hành vi

phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo chỉ làm thuê, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án:

[10.1] Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã xử lý, giao trả cho chủ sở hữu các tài sản: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng đồng, số sêri R58HC570B0J, IMEI (khe 1) 355228084550803, IMEI (khe 2) 355229084550801; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đen, IMEI 1: 354176109170316; IMEI 2: 354182100250313; tiền Việt Nam đồng là 921.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10.2] Đối với xe môtô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu Hongda, loại xe Dream II, màu nâu, xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi, số máy 152FM00072725, không có số khung theo quyết định thu giữ vật chứng số 58/QĐ-CQCSĐT ngày 10 tháng 11 năm 2020, đây là chiếc xe mà các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi tội phạm. Quá trình điều tra bị cáo khai mượn của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định được người đứng tên sở hữu chiếc xe mô tô biển số 84F5-6607 là bà Nguyễn Thị T3, cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh, Cơ quan điều tra không liên lạc được bà Nguyễn Thị T3 để làm rõ về chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô có biển số 84F5-6607. Chiếc xe mô tô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu FULJIR có số máy 1P50FMG310396397, số khung FJ1003801338. Như vậy, chiếc xe môtô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu Hongda, loại xe Dream II, màu nâu, xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi, số máy 152FM00072725, không có số khung là xe sử dụng biển số giả và có nguồn gốc chưa xác định nên chưa có cơ sở để xử lý, Hội đồng xét xử giao chiếc xe nêu trên cho Cơ quan Công an huyện Cù Lao Dung làm rõ chủ sở hữu hợp pháp để xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại Nguyễn Văn P, Phạm Văn T2 đã nhận lại tài sản bị trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa, bị hại Võ Văn C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 650.000 đồng do bị cáo trộm của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại C không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên, số tiền này bị cáo đã tiêu xài hết, nhưng đây là số tiền này do bị cáo thu lợi bất chính, phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L đã cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển số 84F5-6607 (biển số giả) do L quản lý nhưng không

biết bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn L.

[13] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Đ là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: N) 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Về vật chứng: Giao chiếc xe mô tô biển số 84F5-6607, nhãn hiệu Hongda, loại xe Dream II, màu nâu, xe đã qua sử dụng, hư hỏng nhiều nơi, số máy 152FM00072725, không có số khung cho Cơ quan Công an huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng làm rõ chủ sở hữu hợp pháp để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp số tiền 650.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính, phạm tội mà có sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại Võ Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn